TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 347/2017/HS-PT
Ngày 12 tháng 7 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trung Tuấn

Ông Đỗ Đình Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Lê Quỳnh,Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Minh Nghĩa – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 642/2016/TLPT-HS ngày 14 tháng 10 năm 2016 đối với bị cáo Trần Thị L (Má Hai) và các bị cáo khác phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 318/2016/HS-ST ngày 30/8/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*** Các bị cáo bị kháng nghị:**

1/ Trần Thị L; (Má Hai); Giới tính: Nữ, sinh năm 1960 tại tỉnh Tiền Giang; Trú tại: 971 ND, Phường K, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ học vấn: 01/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Trần Văn Cước (đã chết) và bà Trần Thị Ngà; Hoàn cảnh gia đình: Có chồng là ông Trần Văn Chinh (đã chết), có 07 người con, con lớn sinh năm 1979, con nhỏ nhất sinh năm 1993; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 21/02/1998 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 08 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", ngày 18/7/1998 Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phúc thẩm tuyên y án 08 năm tù; Ngày 11/6/1998 bị Tòa án nhân dânquận X, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"; Ngày 14/9/2005 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 08 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; Nhân thân: Ngày 15/8/1980 bị Công anquận X, Thành phố Hồ Chí Minh bắt về hành vi "Kinh doanh trái phép" sau đó được tha về; Tạm giam ngày 18/9/2013; (có mặt).

- **Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo Trần Thị L***:* Luật sư Đỗ Ngọc O – Văn phòng luật sư Đỗ Ngọc Oánh thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

2/ Nguyễn Thị V; Giới tính: Nữ, sinh năm 1967 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Trú tại: 950 ND, Phường K, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ học vấn: 0/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Nguyễn Văn Kỳ và bà Bùi Thị Lan; Hoàn cảnh gia đình: bị cáo đã ly hôn và có 01 con sinh năm 1993; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 21/02/1998 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 10 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; Ngày 15/01/2007 bị Tòa án nhân dânquận X, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 năm 06 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; Tạm giam ngày 16/9/2013; (có mặt).

3/ Nguyễn Thị Ngọc H; Giới tính: Nữ, sinh năm 1977 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Trú tại: 950 ND, Phường K, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ học vấn: 01/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông (không rõ) và bà Nguyễn Thị Thu Hồng; Hoàn cảnh gia đình: Có chồng là Trần Văn Dũng, có 01 con sinh năm 1995; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 23/12/2005 bị Tòa án nhân dânquận X, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; Tạm giam ngày 16/9/2013; (có mặt).

4/ Lê Thị N (Út); Giới tính: Nữ, sinh năm 1977 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Trú tại: Số 7, đường số 2, KDC Metro, ấp 2, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ học vấn: 05/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Lê Văn Ninh (đã chết) và bà Trần Thị Bé; Hoàn cảnh gia đình: Có chồng là Lê Văn Tuấn, có 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 1997; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 27/11/2007 bị Tòa án nhân dânquận X, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 tháng tù về tội "Đánh bạc"; Tạm giam ngày 17/9/2013; (có mặt).

- *Người bào chữa theo chỉ định cho bị cáo Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị Ngọc H, Lê Thị N (Út):* Luật sư Nguyễn Bá T thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn đưa ra xét xử đối với các bị cáo Nguyễn Thái H1, Trần Thị Nhung G, Trần Minh B, Trần Văn T1, Đặng Hiếu L1, Trần Văn P; Các bị cáo này không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án hình sự của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 12 giờ ngày 16/09/2013 nhà số 971 ND, phường K, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma

túy Công an Quận X kiểm tra và bắt quả tang Trần Thị Nhung G đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích bán cho người khác. Thu giữ của Trần Thị Nhung G 03 bịch nylon chứa chất bột màu trắng, qua kết quả giám định là chế phẩm heroin, trọng lượng 1,8145g (Kết luận giám định số 1519/KLGĐ-H ngày 08/11/2013 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh).

Qua truy xét, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục mở rộng điều tra vụ án. Từ lúc 13 giờ ngày 16/9/2013 đến 15 giờ 50 phút ngày 18/9/2013, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hồ Chí Minh lần lượt bắt quả tang Nguyễn Thị Ngọc H có hành vi tang trữ trái phép chất ma túy nhằm bán lại cho người khác. Thu giữ trong túi áo của H có bốn gói nylon màu trắng hàn kín, bên trong chứa chất bột màu trắng qua kết quả giám định là chế phẩm heroin, trọng lượng 71,425g, một xe mô tô hiệu ATTILA, biển số52F7 - 7848. Khám xét khẩn cấp nơi ở của H tại số 950 và số 950A ND, phường K, quận X thu giữ một gói nylon hàn kín bên trong chứa chất bột màu trắng qua giám định là chế phẩm heroin có trọng lượng 3,6945 gram (Kết luận giám định số 1515/KLGĐ-H ngày 19/9/2013 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hồ Chí Minh) và một điện thoại di động hiệu Samsung.

Vào khoảng 13 giờ 30 phút. phút ngày 16/9/2013 tại nhà số 950 ND, phường K, quận X, thành phố Hồ Chí Minh Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với đội CSĐT tội phạm về ma túy Công anquận X bắt quả tang Nguyễn Thị V đang có hành vi cất giữ trái phép chất ma túy. Thu giữ trên tay của V 01 bịch nylon màu đen bên trong có 24 bịch nylon chứa chất bột màu trắng và 10 bịch nylon chứa chất tinh thể không màu dạng rắn đựng trong 1 cái bóp nhỏ màu đen xám V cất giấu trong kệ trên bếp. Qua giám định tại bản kết luận giám định số: 1516/KLGĐ-H ngày 08/11/2013 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hồ Chí Minh có kết luận như sau: Gói 1: Chất bột màu trắng trong 24 gói nylon đựng trong 01 gói nylon màu đen có trọng lượng 202,2920 gram là chế phẩm heroin. Gói 2: Tinh thể không màu trong 10 gói nylon đựng trong 01 bóp da màu đen xám có trọng lượng 14,2925 gram có Methamphetamine.

Vào lúc 8 giờ 30 phút. ngày 17/9/2013, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh bắt khẩn cấp Lê Thị N (tên thường gọi là Út) về hành vi mua bán trái phép chất ma túy với Nguyễn Thị Ngọc H và đến 9 giờ 00 phút ngày 17/9/2013, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hồ Chí Minh tiến hành bắt khẩn cấp Đặng Hiếu L1 (Cháu của Nguyễn Thị Ngọc H). Sau đó, đến 13 giờ 30 phút ngày 17/9/2013 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hồ Chí Minh tiến hành bắt khẩn Trần Văn T1 (Con trai của Nguyễn Thị Ngọc H) về hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Sau đó, vào lúc 14 giờ ngày 18/9/2013 Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã bắt khẩn cấp Trần Thị L về

hành vi mua bán trái phép chất ma túy với Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị Ngọc H và các đối tượng khác có liên quan.

Đến 16 giờ ngày 18/9/2013, Cơ quan Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Hồ Chí Minh ra lệnh bắt khẩn cấp Trần Minh B và Nguyễn Thái H1 về hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Qua quá trình điều tra, các bị can khai nhận như sau:

Trần Thị Nhung G khai nhận: Trước khi bị bắt khoảng 01 tuần, G có làm quen với đối tượng tên Thu (không rõ lai lịch) có mua bán ma túy. Từ đó, G có mua của Thu 02 lần ma túy. Mỗi lần G mua của Thu là nửa hộp 5 ma túy đá với giá 3.000.000đ. G mang về phân chia được 13 bịch nhỏ và bán với giá 300.000 đồng/01 bịch nhỏ. Lần thứ 2 sau khi mua ma túy hàng đá của Thu xong, G mang về và đang ngồi phân ra thì bị Công an vào kiểm tra, G đã ném xuống sông phi tang. Riêng 03 gói heroin thu giữ trong tủ của G, G khai nhận là cất giữ dùm cho mẹ ruột là Trần Thị L gửi trước đó khoảng 2 giờ để bán cho người mua. Ngoài ra G khai nhận trong tháng 7/2013 Gấm nhiều lần được Trần Thị L đưa ma túy đá cho G phân lẻ giúp cho L để L đi bán cho người mua.

Nguyễn Thị V khai nhận: Do không có nghề nghiệp nên từ tháng 7/2013 cho đến ngày bị bắt. V phụ giúp Trần Thị L nhà số 971 ND, Phường K, quận X, thành phố Hồ Chí Minh mua bán trái phép chất ma túy. Cứ khoảng 4 đến 5 ngày thì L đưa cho V cất giữ khoảng 05 cục heroin (cục 5 chỉ và 1 số cục nhỏ từ 5 phân đến 1 chỉ hêrôin) để khi nào L yêu cầu thì V giao lại hêrôin để L mang trực tiếp đi bán cho người mua hoặc V mang bán trực tiếp cho người mua khi có yêu cầu của L. V đã bán ma túy của L cho nhiều người, mỗi lần bán xong L trả công cho V từ 100.000 đồng đến 150.000 đồng. Trong đó V có bán cho Nguyễn Thị Ngọc H được 5 lần, mỗi lần từ 1 chỉ đến 5 chỉ hêrôin, tổng cộng 5 lần là 8 chỉ hêrôin. V bán cho Ánh (không xác định được lai lịch và địa chỉ) 04 lần tổng cộng 06 chỉ hêrôin. V bán cho Ba Khờ (không xác định được lai lịch và địa chỉ) 05 lần tổng cộng 3,5 chỉ hêrôin. Ngày 16/9/2013 theo yêu cầu của L, V bán cho H 5 chỉ hêrôin, sau đó V phát hiện có lực lượng vào kiểm tra nên định lấy túi đựng hêrôin ném xuống sông phi tang nhưng chưa kịp ném thì bị bắt quả tang.

Nguyễn Thị Ngọc H khai nhận: H mua bán ma túy từ tháng 01/2013 cho đến ngày bị bắt nhưng không liên tục, nguồn ma túy là do H mua của Lê Thị N. Từ tháng 01/2013 đến tháng 4/2013 H đã mua của Nở được 2 lần, mỗi lần 15 chỉ hêrôin với giá 38.700.000 đồng bán lại với giá 42.000.000 đồng.Từ tháng 5/2013 đến tháng 6/2013 H nghỉ không bán ma túy nữa, đến tháng 7/2013 H tiếp tục mua bán ma túy, nguồn ma túy H vẫn mua của Lê Thị N và mua của Nguyễn Thị V. Cứ khoảng từ 3 đến 5 ngày thì H mua của N 1 lần, mỗi lần từ 5 chỉ đến 15 chỉ heroin. Sau khi mua xong H mang về cất giữ tại nhà, nếu có người mua nguyên cục 5 chỉ thì H bán với giá 14.000.000 đồng, nếu không có thì H phân nhỏ thành 42 cục bán với giá từ 700.000 đồng đến 800.000 đồng/ cục, H đã mua của N tổng cộng 120 chỉ heroin. Ngoài ra, H còn mua ma túy của Nguyễn Thị V được khoảng 5 lần, mỗi lần từ 05 phân đến 05 chỉ với giá

mỗi chỉ là 2.600.000 đồng, tổng cộng H mua của V 8 chỉ heroin. Địa điểm giao dịch là ở khu chợ Ncn, Cầu Voi thuộcquận X và tại nhà của H. H mua heroin của V từ tháng 4/2013 cho đến ngày bị bắt. Cứ 2 - 3 ngày thì H mua 01 lần, mỗi lần từ 5 phân đến 5 chỉ heroin.

Trong việc thực hiện mua bán trái phép chất ma túy của Nguyễn Thị Ngọc H còn có sự tham gia và giúp sức của H là con ruột H tên Trần Văn T1 và cháu ruột là Đặng Hiếu L1. T1 đã đi bán heroin cho H nhiều lần tại khu vực công viên 23/9, quận 1 và Bến xe miền đông, quận Bình Thạnh. Mỗi lần đi bán ma túy cho H từ 2,5 chỉ cho đến 5 chỉ, sau khi bán xong được H cho 50.000 đồng. L1 cũng đi bán hêrôin cho H nhiều lần. Địa điểm bán là khu vực công viên 23/9, quận 1 và bến xe Miền đông, quận Bình Thạnh, Cầu Xóm Củi, đường Nguyễn Văn Linh, hầm chui Thủ Thiêm. Mỗi lần bán với số lượng ma túy trị giá từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Sau khi bán ma túy xong H cho tiền L1 tiêu xài. Vào khoảng 12 giờ 00 phút, ngày 16/9/2013 có 01 người phụ nữ tên M (không rõ lai lịch) điện thoại cho H đặt mua 02 cây hêrôin với giá 53.600.000 đồng. Do hết ma túy nên H điện thoại vào số máy 01207275048 của Lê Thị N đặt mua 2 cây hêrôin. N nói với H chỉ còn 1,5 cây heroin và N trực tiếp mang heroin đến nơi ở của H giao cho H 1,5 cây hêrôin với giá 38.700.000 đồng. N cho H thiếu khi nào bán xong sẽ thanh toán. Do chưa đủ số heroin để giao cho M nên H liên lạc với Nguyễn Thị V hỏi mua 05 chỉ hêrôin với giá 13.300.000 đồng và cũng chưa thanh toán tiền. Sau khi đã mua đủ 02 cây hêrôin thì H cất giữ trong túi áo phía trước bên trái rồi sử dụng xe gắn máy đến điểm hẹn để giao hêrôin cho Mỹ. Trên đường đi thì H bị bắt quả tang như đã nêu trên.

Quá trình điều tra T1 và L1 đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của Nguyễn Thị Ngọc H.

Lê Thị N khai: Bắt đầu mua bán trái phép chất ma túy từ khoảng tháng 4/2013 cho đến ngày bị bắt. Nguồn ma túy là do N mua của một đối tượng tên Vân (không xác định được lai lịch và địa chỉ) được 8 lần. Mỗi lần N mua từ 5 chỉ đến 1,5 cây hêrôin, với giá 5 chỉ hêrôin là 12.500.000 đồng. N bán ma túy cho Nguyễn Thị Ngọc H với giá 12.900.000/5 chỉ hêrôin. Ngày 14/9/2013, N mua của Vân 1,5 cây heroin với giá 37.500.000 đồng mang về cất giữ cho đến ngày 16/9/2013, H hỏi mua của Nở 2 cây heroin nhưng do N chỉ còn 1,5 cây hêrôin nên đã bán cho H 1,5 cây hêrôin với giá 38.700.000 đồng. Sau khi bán ma túy cho H xong thì N bị Cơ quan Cảnh sát điều tra bắt giữ.

Trần Thị L khai: L thực hiện việc mua bán trái phép chất ma túy cách ngày bị bắt khoảng 2 tháng. Nguồn ma túy là do L mua của một người phụ nữ tên Cúc (không rõ lai lịch và địa chỉ) tại khu vực chợ Xóm Củi,quận X được 6 lần, mỗi lần mua 25 chỉ hêrôin với giá 60.000.000 đồng. Sau khi mua ma túy về L phân chia ra thành nhiều cục từ 5 phân đến 5 chỉ và bán với giá từ 1.300.000 đồng đến 13.000.000 đồng. Sau khi phân chia xong L giao hết ma túy lại cho Nguyễn Thị V cất giấu. Khi có người đến mua hoặc điện thoại mua thì L sẽ lấy ma túy của V để bán hoặc kêu V bán cho người mua. L cũng đã

trực tiếp bán cho Nguyễn Thị Ngọc H, Trần Minh B, Nguyễn Thái H1, Ánh, Ba Khờ và 01 số đối tượng khác không xác định được tên và lai lịch. Mỗi lần mua bán xong Lcho V từ 100.000 đồng đến 150.000 đồng. Vào khoảng tháng 7/2013 thông qua một người bạn tên Sáu Linh (không xác định được nhân thân và lai lịch) L nhờ Sáu Linh mua giúp 05 hộp 5 ma túy đá với giá tiền là 25.000.000 đồng. Sau đó L thông qua một người đàn ông tên Bảy (không xác định được nhân thân và lai lịch) mua cho L 04 lần ma túy đá, mỗi lần 01 hộp 5 với giá là 5.000.000 đồng. Sau khi mua ma túy về L giao lại cho con gái là Trần Thị Nhung G phân lẻ ra cho L để mang bán cho người mua. Số ma túy đá sau khi bán hết một lần L lời được 600.000 đồng, còn số hêrôin bán hết mỗi đợt L lời được từ 5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng. L khai nhận số ma túy thu giữ của V vào ngày 16/9/2013 tại nhà của V là do L gửi để V bán cho các đối tượng khác khi L yêu cầu. Lời khai của L phù hợp với lời khai của V và các chứng cứ khác đã điều tra thu thập được.

Nguyễn Thái H1 khai nhận đã 02 lần mua ma túy của Trần Thị L về sử dụng và bán lại cho người khác. Lần đầu H1 mua của L 2,5 phân hêrôin với giá 650.000 đồng về bán lại với giá 850.000 đồng, lần thứ hai mua của L 5 phân heroin với giá 1.300.000 đồng về bán lại với giá 1.700.000 đồng. Còn số ma túy đá H1 mua của L được 3-4 lần, mỗi lần từ 1/4 góc đến 1/8 góc ma túy đá với giá từ 750.000 đồng đến 1.500.000 đồng. Khi mua số ma túy đá này về H1 không phân nhỏ mà chỉ lấy ra một ít sử dụng, số còn lại thì H1 bán lại với giá như đã mua của L.

Trần Minh B khai nhận đã mua ma túy của Trần Thị L được 5 lần, trong đó 02 lần đầu mỗi lần B mua 1/8 góc ma túy đá về sử dụng, còn lần thứ 03 và 04 thì thì B mua hêrôin của L, mỗi lần B mua 300.000 đồng mang về bán lại cho Trần Văn P, lần thứ 05 B mua của L 5 phân hêrôin với giá 1.500.000 đồng, Sau đó B nhờ Nguyễn Thái H1 cất giữ số ma túy này tại nhà H1. Khi Trần Văn P đến mua thì B kêu H1 đưa số ma túy này cho P, B bán cho P số ma túy này với giá 1.800.000 đồng, lời được 300.000 đồng, số tiền lời này B dùng vào việc mua ma túy đá về sử dụng hết.

Đối với bị can Trần Văn P; Quá trình điều tra thể hiện trước đó vào ngày 05/6/2013, Trần Văn P đến nhà của H1, B mua 01 gói heroin giá 1.800.000 đồng khi Phúc mang ma túy về tới ngã tư đường Nguyễn Văn Linh - Trịnh Quang Nghi, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh thì bị Tổ công tác đội 4, Phòng Cảnh sát điều tra về tội phạm ma túy Công an thành phố Hồ Chí Minh bắt quả tang. Thu giữ của P 01 gói nylon chứa chất bột màu trắng và 01 gói nylon chứa chất tinh thể không màu. Qua giám định gói 1: Có trọng lượng 1,7293 gram là chế phẩm heroin; Gói 2 tinh thể không màu trong 01 gói nylon có trọng lượng 0,1299 gram có Methamphetamine (MA). (Kết luận giám định số: 1184/KLGĐ-H ngày 17/7/2013 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh). Số ma túy hàng đá này P khai là của bạn quen cho P sử dụng, P chưa sử dụng hết nên còn cất giữ trong người. Sau khi bị bắt quả tang P đã lợi dụng sơ hở của cán bộ canh giữ và bỏ trốn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định

khởi tố bị can và Quyết định truy nã P về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Trần Văn P sau khi bỏ trốn về thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Trong thời gian bỏ trốn thì P lại thực hiện hành vi "Trộm cắp tài sản" và bị Cơ quan Cảnh sát điều tra tỉnh Bến Tre khởi tố bắt tạm giam đến ngày 26/2/2014 Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã xét xử P 3 năm tù giam theo Bản án số 05/2014/HSST ngày 26/2/2014. Ngày 15/9/2013 bị bị bắt theo lệnh truy nã của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua điều tra Trần Văn P khai nhận P nghiện ma túy khoảng một năm nay, nguồn ma túy mà P sử dụng là do P mua của nhiều người không rõ lai lịch và địa chỉ, trong đó P mua của B được 03 lần, 02 lần đầu mỗi lần 300.000 đồng, lần thứ 3 vào ngày 05/6/2013 P cùng bạn gái là Phan Ái M rũ nhau cùng đi từ thành phố Bến Tre đến thành phố Hồ Chí Minh chơi, tuy nhiên khi đến thành phố Hồ Chí Minh P điện thoại liên lạc với Trần Minh B để mua ma túy. Sau khi thỏa thuận số lượng và giá cả ma túy cần mua. P chở M đến nhà của Nguyễn Thái H1 tại khu vực xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh để lấy ma túy. Khi đến P để M đứng ngoài chờ còn P đi vào gặp H1, tại đây H1 đã giao cho P khoảng gần 5 phân hêrôin (lúc này B đã điện thoại cho H1 kêu H1 giao ma túy cho P), P lấy tiền ra trả cho B 1.800.000 đồng rồi quay ra chở M đi về đến tới ngã tư đường Nguyễn Văn Linh - Trịnh Quang Nghi, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị Tổ công tác đội 4, Phòng Cảnh sát điều tra về tội phạm ma túy Công an Thành phố Hồ Chí Minh bắt quả tang như đã nêu ở phần trên. Đối với Phan Ái M do không có liên quan đến hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của Trần Văn P, bản thân M cũng không nghiện ma túy nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Phan Ái M.

Đối với các đối tượng tên Cúc, Sáu Linh, Ánh, Ba Khờ, M, Vân, Thu, Ông Bảy do các bị can Trần Thị L, Lê Thị N, Trần Thị Nhung G, Nguyễn Thị Ngọc H khai không rõ lai lịch và địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xử lý theo quy định.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 318/2016/HS-ST ngày 30/8/2016, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Thị L, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị Ngọc H, Lê Thị N phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

- Áp dụng điểm h Khoản 4 Điều 194, điểm p Khoản 1 Điều 46, điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt Trần Thị L 20 (hai mươi) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 18/9/2013.

- Áp dụng điểm h Khoản 4 Điều 194, điểm p Khoản 1 Điều 46, điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt Nguyễn Thị V 20 (hai mươi) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 16/9/2013.

- Áp dụng điểm b Khoản 4 Điều 194, điểm p Khoản 1 Điều 46, điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt Nguyễn Thị Ngọc H 20 (hai mươi) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 16/9/2013.

- Áp dụng điểm b Khoản 4 Điều 194, điểm p Khoản 1 Điều 46, điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị N 20 (hai mươi) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 17/9/2013.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Trần Thị Nhung G, Nguyễn Thái H1, Trần Minh B, Đặng Hiếu L1 và Trần Văn T1; quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 12/9/2016, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định kháng nghị một phần bản án hình sự sơ thẩm. Đề nghị Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại vụ án theo hướng tăng nặng hình phạt tù từ 20 năm lên tù Chung thân đối với hành vi phạm tội của các bị cáo Trần Thị L, Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Thị V, Lê Thị N theo khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh, vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, vị kiểm sát viên cũng phân tích toàn bộ các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo Trần Thị L, Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Thị V, Lê Thị N là đặt biệt nguy hiểm cho xã hội, vị kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận quyết định kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Sửa quyết định bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng tăng nặng hình phạt tù từ 20 lên tù Chung thân đối với các bị cáo Trần Thị L, Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Thị V, Lê Thị N.

Đối với các bị cáo Trần Thị L, Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Thị V, Lê Thị N không có kháng cáo đồng ý với quyết định án sơ thẩm, tại phiên tòa các bị cáo Trần Thị L, Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Thị V, Lê Thị N đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

Quan điểm của vị luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Thị L, cũng như vị luật sư bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Thị V, Lê Thị N cũng phân tích nội dung vụ án, Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo có trình độ văn hóathấp, cha mẹ già đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm p, g khoản 1, 2 Điều 46 BLHS bác quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữ nguyên quyết định án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Quyết định kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay các bị cáo Trần Thị L, Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Thị V, Lê Thị N thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung án sơ thẩm đã nêu. Các bị cáo không khiếu nại về nội dung vụ án. Xét thấy lời khai của các bị cáo Trần Thị L, Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Thị V, Lê Thị N phù hợp với lời khai của bị cáo ở cơ quan điều tra, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định bị cáo Trần Thị L, Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Thị V, Lê Thị N có hành vi "*Mua bán trái phép chất ma túy"*. Từ đó Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Thị L, Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Thị V, Lê Thị N phạm tội"Mua bán trái phép chất ma túy". theo điểm h khoản 4 Điều 194 của Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo Trần Thị L, Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Thị V, Lê Thị N đã gây ra trực tiếp xâm phạm đến các chính sách độc quyền về quản lý các chất ma tuý của Nhà nước, gây ảnh hưởng rất xấu đến nền trật tự an toàn xã hội, bị cáo nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma tuý là vi phạm pháp hình sự nhưng do ý thức xem thường pháp luật, vì động cơ hám lợi nên bị cáo cố tình thực hiện hành vi phạm tội, tạo ra sự bất bình dư luận trong xã hội, nên cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc đối với bị cáo nhằm răn đe giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xem xét cho các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xem xét và xử phạt mỗi bị cáo 20 năm tù là thỏa đáng.

Xét quyết định kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, cũng như quan điểm của vị kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị tăng nặng hình phạt tù từ 20 năm lên tù Chung thân đối với hành vi phạm tội của các bị cáo Trần Thị L, Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Thị V, Lê Thị N. Hội đồng xét xử xét thấy đối với các bị cáo, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, cũng nhằm thể hiện tính nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta, đồng thời căn cứ vào Nghị quyết số 01/2001 ngày 15/3/2001 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xét thấy không cần thiết phải xử tù Chung thân các bị cáo Trần Thị L, Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Thị V, Lê Thị N, mà xử phạt 20 năm tù đối với các bị cáo Trần Thị L, Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn

Thị V, Lê Thị N cũng đủ giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Không chấp nhận quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, cũng như quan điểm của vị kiểm sát viên tai phiên tòa. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các nội dung khác trong quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, khoản 2, Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị tăng hình phạt tù Chung thân đối với các bị cáo Trần Thị L, Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Thị V, Lê Thị N.

Giữ nguyên quyết định bản án hình sự sơ thẩm số 318/HS-ST ngày 30/8/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Thị L, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị Ngọc H, Lê Thị N phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

- Áp dụng điểm h Khoản 4 Điều 194, điểm p Khoản 1 Điều 46, điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt Trần Thị L 20 (hai mươi) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 18/9/2013.

- Áp dụng điểm h Khoản 4 Điều 194, điểm p Khoản 1 Điều 46, điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt Nguyễn Thị V 20 (hai mươi) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 16/9/2013.

- Áp dụng điểm b Khoản 4 Điều 194, điểm p Khoản 1 Điều 46, điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt Nguyễn Thị Ngọc H 20 (hai mươi) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 16/9/2013.

- Áp dụng điểm b Khoản 4 Điều 194, điểm p Khoản 1 Điều 46, điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị N 20 (hai mươi) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 17/9/2013.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo Trần Thị L, Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Thị V, Lê Thị N để đảm bảo thi hành án.

2. Các nội dung khác trong quyết định bản án hình sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Các bị cáo Trần Thị L, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị Ngọc H, Lê Thị N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Công an TP.HCM;
-Trại tạm giam Công an TP.HCM(5); T/đ bị cáo(4);
- Lưu hồ sơ,VP,17b.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Văn Mười